

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

- ☐ **BẢN THÔNG TIN BẢO MẬT**
☐ **BẢN THÔNG TIN LƯU HÀNH HẠN CHẾ**

(điền vào ô thích hợp)

**BẢN CÂU HỎI RÀ SOÁT BIỆN PHÁP CHỐNG LẤN TRÁNH BIỆN PHÁP
PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI DÀNH CHO NHÀ SẢN XUẤT/XUẤT KHẨU
NƯỚC NGOÀI**

TÊN DOANH NGHIỆP:.....
TÊN VIẾT TẮT (NẾU CÓ):
ĐỊA CHỈ:
QUỐC GIA:

VỤ VIỆC: **RÀ SOÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẤN
TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI
MỘT SỐ SẢN PHẨM ĐƯỜNG MÍA (MÃ VỤ VIỆC:
AR02.AC02.AD13-AS01)**

THÁNG 01 NĂM 2025

HÀNG HOÁ BỊ ĐIỀU TRA:

Hàng hoá thuộc đối tượng rà soát là một số sản phẩm đường mía, được phân loại theo các mã HS 1701.13.00, 1701.14.00, 1701.91.00, 1701.99.10, 1701.99.90 và 1702.90.91.

THỜI KỲ ĐIỀU TRA XEM XÉT DỮ LIỆU:

Từ 01 tháng 10 năm 2021 đến 30 tháng 9 năm 2024 và được chia thành các thời kỳ như sau:

POI-2: Từ 01 tháng 10 năm 2021 đến 30 tháng 9 năm 2022

POI-1: Từ 01 tháng 10 năm 2022 đến 30 tháng 9 năm 2023

POI: Từ 01 tháng 10 năm 2023 đến 30 tháng 9 năm 2024

CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;
- Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;
- Thông tư số 42/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;
- Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;
- Quyết định số 1514/QĐ-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía;
- Quyết định số 2960/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1514/QĐ-BCT ngày 01 tháng 08 năm 2022 áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía;

- Quyết định số 1989/QĐ-BCT ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan;

- Quyết định số 3485/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía (mã vụ việc: AR02.AC02.AD13-AS01)

THỜI HẠN NỘP BẢN TRẢ LỜI:

Đến hết ngày 14 tháng 02 năm 2025 (theo giờ Hà Nội).

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH:

Hoàng Ngọc Lan - Email: lanhtn@moit.gov.vn

Điện thoại: +84 24 73037898 (Ext: 111)

ĐỊA CHỈ:

PHÒNG ĐIỀU TRA BÁN PHÁ GIÁ VÀ TRỢ CẤP

CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

BỘ CÔNG THƯƠNG

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẦNG 8, SỐ 23 NGŨ QUYỀN, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI,
VIỆT NAM

**CHÚ Ý: BẢN CÂU HỎI NÀY CẦN ĐƯỢC TRẢ LỜI THÀNH HAI BẢN:
MỘT BẢN THÔNG TIN BẢO MẬT¹, MỘT BẢN THÔNG TIN LƯU HÀNH
HẠN CHẾ**

¹ Lưu ý: Những thông tin bảo mật được thể hiện bởi thuật ngữ “thông tin bảo mật”. Chỉ có những tài liệu nào được đánh dấu “bản thông tin bảo mật” mới được coi là tài liệu mật theo quy định tại Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại và Điều 6 của Hiệp định WTO về việc Thực hiện Điều VI của GATT 1994 (Hiệp định chống bán phá giá).

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	1
QUY ĐỊNH VÀ HƯỚNG DẪN VỀ VIỆC NỘP BẢN TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐIỀU TRA VÀ MỘT SỐ LƯU Ý	5
MỤC A - THÔNG TIN CHUNG	3
MỤC B - HÀNG HOÁ BỊ ĐIỀU TRA	7
MỤC C - THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG	12
MỤC D - BÁN HÀNG HÓA BỊ ĐIỀU TRA VÀO THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM	19
MỤC E - BÁN HÀNG HÓA BỊ ĐIỀU TRA TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA.....	21
MỤC F - THÔNG TIN YÊU CẦU VỀ DỮ LIỆU NỘP	25
PHỤ LỤC 1 - HƯỚNG DẪN CHUNG VỀ TRẢ LỜI BẢN CÂU HỎI ĐIỀU TRA.....	27

GIỚI THIỆU

Cục Phòng vệ thương mại (sau đây gọi là Cơ quan điều tra) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực phòng vệ thương mại. Các quy định liên quan đến chống bán phá giá, chống trợ cấp, chống lẫn tránh nhằm tạo ra cơ chế công bằng trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cho các nhà sản xuất của Việt Nam khi việc bán phá giá, trợ cấp gây thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước của Việt Nam.

Trong vụ việc này, căn cứ theo Luật Quản lý ngoại thương 2017 và Nghị định 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại, Cơ quan điều tra tiến hành rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía để xác định hành vi lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Vương quốc Thái Lan theo Quyết định số 1578/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2021 (Mã vụ việc gốc: AD13-AS01).

Bản câu hỏi điều tra được xây dựng nhằm thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ việc đánh giá hành vi lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng với một số sản phẩm đường mía của Công ty TNHH Đường Wilmar của Cộng hòa liên bang Mi-an-ma.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Cơ quan điều tra đề nghị Công ty tham gia, hợp tác toàn diện và trả lời đầy đủ Bản câu hỏi. Việc trả lời Bản câu hỏi là cơ sở ban đầu quan trọng để Cơ quan điều tra phân tích, đánh giá sự tồn tại của hành vi lẫn tránh của công ty.

Trước khi hoàn thành Bản câu hỏi này, Cơ quan điều tra đề nghị Công ty xem kỹ hướng dẫn trả lời. Công ty cần nghiên cứu Bảng chú giải thuật ngữ được gửi kèm tại Phụ lục. Bản câu hỏi này cần được thực hiện theo các mục và các Phụ lục sau:

Mục A: Các thông tin chung liên quan đến Công ty, ví dụ hình thức pháp lý, cơ cấu tổ chức và thông tin kế toán chung.

Mục B: Xác định Hàng hóa bị điều tra và các thông tin chi tiết về các loại hàng hóa mà công ty bán trên các thị trường khác nhau.

Mục C: Thông tin hoạt động.

Mục D: Thông tin về bán hàng hoá bị điều tra vào thị trường Việt Nam

Mục E: Thông tin về bán hàng hoá bị điều tra tại thị trường nội địa

Mục F: Thông tin yêu cầu về dữ liệu nộp

Phụ lục 1: Hướng dẫn chung về trả lời bản câu hỏi điều tra

Phụ lục 2: Các bảng dữ liệu

Trước khi trả lời Bản câu hỏi, Công ty cần đọc kỹ các hướng dẫn và trả lời một cách đầy đủ, chính xác; đồng thời gửi kèm tài liệu chứng minh cho Cơ quan điều tra. Công ty có thể bổ sung thêm các nội dung mà Công ty cho là cần thiết để Cơ quan điều tra đánh giá chính xác hơn về vụ việc. Nếu câu hỏi nào không áp dụng hoặc không phù hợp với Công ty, **đề nghị giải thích rõ lý do**.

Các mục nói trên áp dụng cho tất cả các công ty sản xuất, thương mại liên kết và thương mại không liên kết tham gia vào quá trình sản xuất, phân phối hàng hóa thuộc đối tượng điều tra đều phải trả lời và cung cấp thông tin liên quan đến các câu hỏi thuộc các mục nói trên.

Cơ quan điều tra có thể tiến hành điều tra tại chỗ để xác minh, kiểm tra các thông tin được Công ty trả lời, cung cấp tại Bản trả lời câu hỏi điều tra này.

Lưu ý số 1: Các thông tin, tài liệu do Công ty cung cấp tại Bản trả lời câu hỏi điều tra là cơ sở quan trọng để Cơ quan điều tra ban hành các kết luận trong vụ việc. Việc không nộp đầy đủ hoặc một phần thông tin, tài liệu liên quan; hoặc từ chối cung cấp thông tin, tài liệu trong thời gian quy định có thể dẫn đến các hệ quả bất lợi cho Công ty. Trong các trường hợp đó, Cơ quan điều tra có thể áp dụng Khoản 4 Điều 75 Luật Quản lý ngoại thương, không chấp nhận việc trả lời chậm trễ hoặc không đầy đủ, gây trì hoãn quá trình điều tra; đồng thời sử dụng các dữ liệu sẵn có để phân tích và ban hành các kết luận trong vụ việc.

Trường hợp Công ty là công ty sản xuất Hàng hóa bị điều tra, nhưng không xuất khẩu trực tiếp sang Việt Nam mà thông qua các công ty thương mại, thì Công ty phải có trách nhiệm chuyển Bản câu hỏi này tới công ty thương mại (*bao gồm cả liên kết và không liên kết*) mua hàng của Công ty và trực tiếp xuất khẩu sang Việt Nam để trả lời. Nếu việc bán hàng và xuất khẩu qua các công ty thương mại được thực hiện qua chuỗi nhiều công ty thì tất cả các công ty thương mại trong chuỗi đó phải tham gia trả lời.

Trường hợp Công ty là công ty thương mại độc lập xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam, đề nghị trả lời bản câu hỏi điều tra đồng thời có trách nhiệm chuyển Bản câu hỏi này tới các công ty sản xuất mà Công ty đã mua Hàng hóa bị điều tra để xuất khẩu sang Việt Nam để đề nghị các công ty này hợp tác trả lời Bản câu hỏi điều tra. Nếu việc mua hàng được thực hiện qua chuỗi nhiều công ty thì tất cả các công ty sản xuất và/hoặc thương mại trong chuỗi đó phải tham gia trả lời.

Trong trường hợp (i) Bản trả lời câu hỏi của Công ty không được Cơ quan điều tra xem xét hoặc (ii) Công ty là công ty thương mại nhưng không chuyển Bản câu hỏi này cho các nhà sản xuất mà Công ty đã mua Hàng hóa bị điều tra để xuất khẩu sang Việt Nam để trả lời hoặc (iii) Công ty là công ty sản xuất và xuất khẩu sang Việt Nam thông qua các công ty thương mại nhưng các công ty thương

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

mại này lại không tham gia trả lời, Cơ quan điều tra sẽ đưa ra quyết định điều tra trên cơ sở các thông tin sẵn có khác, có thể bao gồm cả các thông tin được đưa ra trong đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống lừa tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Công ty có thể liên lạc với các cán bộ phụ trách vụ việc nếu có bất cứ câu hỏi hoặc khó khăn nào trong quá trình trả lời Bản câu hỏi này.

Một số hướng dẫn chung khác:

1. Trả lời các câu hỏi theo trình tự được trình bày trong Bản câu hỏi. Thông tin và bảng biểu được liệt kê phải phù hợp với các định dạng yêu cầu và phải được ghi tên rõ ràng. Nếu Công ty gặp khó khăn với việc trình bày, đề nghị liên lạc với cán bộ phụ trách vụ việc để tìm giải pháp được Cơ quan điều tra chấp nhận. Nếu không đủ chỗ trống để cung cấp các thông tin chi tiết theo yêu cầu tại bất cứ Mục nào của Bản câu hỏi, Công ty phải đính kèm Phụ lục và nêu rõ Mục có liên quan. Cơ quan điều tra khuyến khích sử dụng các câu trả lời rõ nghĩa và một nghĩa; và không chịu trách nhiệm về các câu trả lời gây nhầm lẫn.

2. Đối với mỗi yêu cầu cung cấp thông tin về số liệu, Công ty cần nêu rõ nguồn số liệu trên hệ thống kế toán của Công ty.

3. Tất cả bảng tính, công thức và phương pháp tính toán ra các số liệu được cung cấp trong Bản trả lời câu hỏi phải được lưu trữ và cung cấp cho Cơ quan điều tra trong bất kỳ thời gian nào của vụ việc.

4. Đề nghị xác định rõ nơi lưu trữ các tài liệu gốc và sẵn sàng cung cấp cho Cơ quan điều tra trong bất kỳ thời gian nào của vụ việc, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc điều tra tại chỗ.

5. Bản trả lời câu hỏi điều tra và tất cả tài liệu, thông tin kèm theo trong Bản trả lời câu hỏi **phải được dịch sang tiếng Việt**. Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung bản dịch.

6. Thông tin, tài liệu được nộp dưới dạng dữ liệu máy tính phải phù hợp với định dạng được trình bày tại Mục E. Đề nghị cung cấp đầy đủ thông tin theo định dạng này để Cơ quan điều tra có thể kiểm tra, tìm kiếm từ hệ thống máy tính hoặc hệ thống quản lý điện tử của Công ty.

7. Việc không cung cấp câu trả lời dưới dạng dữ liệu máy tính có thể bị coi là không hợp tác.

8. Các bảng dữ liệu được ghi vào file excel không cần phải in ra khi nộp bản trả lời câu hỏi.

9. Bản câu hỏi Công ty nhận được được hiểu là dành cho Công ty và tất cả các chi nhánh, công ty con, công ty trực thuộc, công ty thương mại (*liên kết*

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

hoặc không liên kết). Các câu hỏi chi tiết về cơ cấu tổ chức của Công ty được lập tại Mục A của Bản câu hỏi.

Lưu ý số 2:

- Trong trường hợp một công ty trực thuộc hoặc công ty liên kết khác là một nhà sản xuất/xuất khẩu các Hàng hóa bị điều tra, công ty đó phải trả lời riêng Bản câu hỏi này.
- Mỗi công ty liên kết bị điều tra phải trả lời Bản câu hỏi điều tra khi các công ty trực thuộc và công ty liên kết khác tham gia vào việc bán hoặc tiếp thị các Hàng hóa bị điều tra tại thị trường nội địa hoặc xuất khẩu sang Việt Nam.
- Riêng công ty liên kết chỉ tham gia cung cấp “nguyên vật liệu chính” và/hoặc “phụ liệu chính” để sản xuất Hàng hóa bị điều tra mà không sản xuất, bán hoặc tiếp thị các Hàng hóa bị điều tra thì không cần trả lời toàn bộ Bản câu hỏi điều tra nhưng phải cung cấp các thông tin yêu cầu tại Mục A, C và E của Bản câu hỏi này.

QUY ĐỊNH VÀ HƯỚNG DẪN VỀ VIỆC NỘP BẢN TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐIỀU TRA VÀ MỘT SỐ LƯU Ý

1. Nộp bản trả lời câu hỏi điều tra

Toàn bộ Bản trả lời câu hỏi điều tra **phải được nộp** qua Hệ thống tiếp nhận hồ sơ phòng vệ thương mại trực tuyến (TRAV ONLINE) của Cơ quan điều tra. Hướng dẫn chi tiết về việc đăng ký và sử dụng hệ thống vui lòng xem tại Phụ lục V của Bản câu hỏi này hoặc theo địa chỉ bên dưới.

HTTPS://ONLINE.TRAV.GOV.VN

Hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng hệ thống, công ty có thể tham khảo tại địa chỉ trên hoặc tải trực tiếp theo địa chỉ:

http://online.trav.gov.vn/files/TRAV_ONLINE-User_Guide.pdf

Thời hạn cuối cùng để nộp bản trả lời câu hỏi điều tra được xác định là **24 giờ (giờ Hà Nội)** của ngày cuối cùng được nêu trên bản câu hỏi điều tra, thông báo của CQĐT hoặc ngày cuối cùng của thời hạn mà Cơ quan điều tra gia hạn cho các bên liên quan.

Khi nộp bản trả lời câu hỏi điều tra, công ty cần lựa chọn đúng Loại hình tài liệu là **“Bản trả lời câu hỏi điều tra”**.

Bản trả lời câu hỏi điều tra chỉ được xác định là nộp đúng thời hạn khi toàn bộ các tài liệu có liên quan được nộp lên hệ thống trước thời hạn cuối cùng.

Hệ thống sẽ ghi nhận chính xác thời điểm mà tài liệu được ghi nhận lên hệ thống và đây là cơ sở để xác định bản trả lời có được nộp theo đúng thời hạn quy định hay không.

Do dữ liệu trong bản trả lời câu hỏi có thể lớn, vì vậy công ty cần thực hiện việc nộp bản trả lời sớm để tránh việc không có đủ thời gian để hoàn thành việc nộp bản trả lời theo đúng thời hạn quy định.

Lưu ý, dung lượng tối đa đối với mỗi file dữ liệu là 100 MB, trong trường hợp file dữ liệu của công ty nộp lên hệ thống lớn hơn 100MB, công ty cần chia nhỏ file để đảm bảo đáp ứng quy định của hệ thống cũng như không ảnh hưởng tới việc nộp bản trả lời của công ty.

Sau khi hoàn thành việc nộp dữ liệu, hệ thống sẽ có xác nhận về danh sách các file dữ liệu đã được công ty nộp lên hệ thống và thời gian nộp.

Đặc biệt lưu ý: khi nộp bản trả lời câu hỏi điều tra để tránh việc công ty nộp lẫn lộn giữa **Bản thông tin lưu hành hạn chế (L) và **Bản thông tin bảo mật (C)**, đề nghị công ty sắp xếp và thực hiện nộp riêng từng loại bản trả lời và kiểm tra kỹ lại tài liệu và tên tài liệu trước khi nộp lên hệ thống. Công ty hoàn toàn**

chịu trách nhiệm trong việc nộp tài liệu lên hệ thống cũng như việc lộ thông tin bảo mật trong trường hợp xác định sai phân loại thuộc tính của tài liệu.

Trong trường hợp hệ thống không thể truy cập hoặc có lỗi trong quá trình nộp, đề nghị công ty chụp lại màn hình báo lỗi và liên lạc trực tiếp với đầu mối phụ trách để được hướng dẫn.

Do hệ thống mới được đưa vào áp dụng, để hạn chế những khó khăn và rủi ro trong quá trình nộp bản trả lời lên hệ thống, ngoài bản trả lời câu hỏi đã được nộp lên hệ thống, Cơ quan điều tra đề nghị công ty gửi bản trả lời tới Cơ quan điều tra các tài liệu sau:

- Phần Bản trả lời câu hỏi (Bản thông tin bảo mật) – **Bản in** – không bao gồm các phụ lục, bảng biểu đi kèm.
- Phần Bản trả lời câu hỏi (Bản thông tin lưu hành hạn chế) – **Bản in** – không bao gồm các phụ lục, bảng biểu đi kèm.
- USB chứa bản điện tử của toàn bộ Bản trả lời câu hỏi và toàn bộ các Phụ lục, bảng biểu, tài liệu kèm theo

Các tài liệu này đề nghị gửi tới Cơ quan điều tra theo địa chỉ dưới đây:

CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Tầng 8, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84-24) 7303.7898

THỜI GIAN TIẾP NHẬN CÔNG VĂN, HỒ SƠ, TÀI LIỆU:

TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU: SÁNG 08H00 ĐẾN 12H00
CHIỀU 13H00 ĐẾN 17H00

THỨ BẢY, CHỦ NHẬT, NGÀY LỄ: NGHỈ

2. Quy định về việc đặt tên file dữ liệu

Để thuận tiện cho việc nộp dữ liệu lên hệ thống và tìm kiếm tài liệu có liên quan trong các vụ việc, Cơ quan điều tra đề nghị các bên liên quan khi nộp dữ liệu lên hệ thống **phải thực hiện đặt tên file dữ liệu theo cấu trúc như sau:**

MÃ VỤ VIỆC - TÊN VIẾT TẮT CÔNG TY - TÊN TÀI LIỆU - LOẠI HÌNH

Theo đó, cần lưu ý một số vấn đề sau:

Mã vụ việc	Đặt theo mã vụ việc do Cơ quan điều tra đã đặt (ví dụ AR02.AC02.AD13-AS01)
Tên viết tắt của công ty	Công ty sử dụng tên viết tắt hoặc tên rút gọn của công ty và giới hạn trong khoảng 3-8 ký tự

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

Tên tài liệu	Mô tả tên tài liệu
Loại hình	Công ty chỉ chọn 2 trong 3 loại hình tài liệu để xác định, cụ thể: - Bản thông tin lưu hành hạn chế (<i>chỉ được chia sẻ cho bên liên quan trong vụ việc cụ thể</i>): L - Bản thông tin bảo mật (<i>chỉ được tiếp cận bởi Cơ quan điều tra</i>): C

Tên file **không được** sử dụng tiếng Việt có dấu.

Ví dụ 1: Công ty ABC nộp bảng VNSALES và bảng DMCOP trong ***bản thông tin bảo mật*** của bản trả lời câu hỏi điều tra trong vụ việc lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm đường mía, mã vụ việc AR02.AC02.AD13-AS01 thì đặt tên file như sau:

AR02.AC02.AD13-AS01-ABC-[Tên tài liệu trong Bản trả lời câu hỏi điều tra]-C

AR02.AC02.AD13-AS01-ABC-VNSALES-C

AR02.AC02.AD13-AS01-ABC-DMCOP-C

Ví dụ 2: Công ty ABC nộp bản trả lời ***bản thông tin lưu hành hạn chế*** của bản trả lời câu hỏi điều tra trong vụ việc điều tra lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm đường mía, mã vụ việc AR02.AC02.AD13-AS01 thì đặt tên file như sau:

AR02.AC02.AD13-AS01-ABC-Bản trả lời ban câu hỏi điều tra-L

3. Một số lưu ý

(i) Trả lời các câu hỏi theo trình tự được trình bày trong Bản câu hỏi. Thông tin và bảng biểu được liệt kê phải phù hợp với các định dạng yêu cầu và phải được ghi tên rõ ràng. Nếu công ty gặp khó khăn với việc trình bày, đề nghị liên lạc với cán bộ phụ trách vụ việc để tìm giải pháp được Cơ quan điều tra chấp nhận. Nếu không đủ chỗ trống để cung cấp các thông tin chi tiết theo yêu cầu tại bất cứ Mục nào của Bản câu hỏi, Công ty phải đính kèm Phụ lục và nêu rõ Mục có liên quan. Cơ quan điều tra khuyến khích sử dụng các câu trả lời rõ nghĩa và một nghĩa; và không chịu trách nhiệm về các câu trả lời gây nhầm lẫn.

(ii) Đối với mỗi yêu cầu cung cấp thông tin về số liệu tại các nội dung bên dưới, công ty cần nêu rõ nguồn số liệu trên hệ thống kế toán của Công ty và cung cấp bảng chi tiết tài khoản tương ứng trong POI làm cơ sở kiểm tra, xác minh lại thông tin công ty đã cung cấp. Đồng thời, đề nghị Công ty cung cấp bảng cân đối tài khoản (trial balance) của công ty trong từng giai đoạn POI, POI-1 và POI-2.

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

Ngoài ra CQĐT đề nghị Công ty cung cấp bảng chi tiết về hệ thống tài khoản kế toán của công ty (ở cấp độ chi tiết nhất) (Chart of Accounts) và phải được dịch sang tiếng Việt.

(iii) Tất cả bảng tính, công thức và phương pháp tính toán ra các số liệu được cung cấp trong Bản trả lời câu hỏi phải được lưu trữ và cung cấp cho Cơ quan điều tra trong bất kỳ thời gian nào của vụ việc.

(iv) Đề nghị xác định rõ nơi lưu trữ các tài liệu gốc và sẵn sàng cung cấp cho Cơ quan điều tra trong bất kỳ thời gian nào của vụ việc, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc điều tra tại chỗ.

(v) Bản trả lời câu hỏi điều tra và tất cả tài liệu, thông tin kèm theo trong Bản trả lời câu hỏi **phải được dịch sang tiếng Việt**. Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung bản dịch. Trong trường hợp có những thuật ngữ có thể gây nhầm lẫn khi dịch sang tiếng Việt, công ty cung cấp bản dịch tiếng Việt và bản tiếng Anh tương ứng.

(vi) Thông tin, tài liệu được nộp dưới dạng dữ liệu máy tính phải phù hợp với định dạng được trình bày tại mục 2 – quy định về việc đặt tên file dữ liệu và Mục G. Đề nghị cung cấp đầy đủ thông tin theo định dạng này để Cơ quan điều tra có thể kiểm tra, tìm kiếm từ hệ thống máy tính hoặc hệ thống quản lý điện tử của Công ty.

(vii) Việc không cung cấp câu trả lời dưới dạng dữ liệu máy tính bị coi là không hợp tác.

(viii) Bản câu hỏi Công ty nhận được được hiểu là dành cho Công ty và tất cả các chi nhánh, công ty con, công ty trực thuộc, công ty thương mại (*liên kết hoặc không liên kết*). Các câu hỏi chi tiết về cơ cấu tổ chức của Công ty được lập tại Mục A của Bản câu hỏi.

(ix) Để trả lời Bản câu hỏi này, Công ty cần sử dụng tỷ giá hối đoái thực tế phù hợp với các chứng từ giao dịch các giai đoạn được xem xét.

(x) Xác minh rõ tất cả đơn vị đo lường và tiền tệ được sử dụng trong bảng biểu, danh sách và bảng tính. Áp dụng đơn vị đo lường một cách thống nhất trong toàn bộ phần trả lời Bản câu hỏi của Công ty. Khi Cơ quan điều tra yêu cầu “đơn vị chiếc” có nghĩa là Cơ quan điều tra đề cập đến từng mặt hàng riêng lẻ được hiểu là “một đơn vị” của Hàng hóa bị điều tra. Khi Cơ quan điều tra yêu cầu số lượng theo Kilogram (Kg) hoặc Tấn (MT), Công ty **phải** báo cáo theo đơn vị đo lường này (khối lượng tịnh).

(xi) Trừ khi có quy định khác, toàn bộ giá bán và trị giá bán hàng cần được thể hiện bằng loại tiền tệ thể hiện trong các tài khoản kế toán của Công ty.

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

(xii) Trừ khi có quy định khác, các câu trả lời phải liên quan đến **thời kỳ điều tra** như đã định nghĩa dưới đây. Tất cả các dẫn chiếu đến **POI, POI-1, POI-2** đều được nêu rõ trong các phần dưới đây.

Thời kỳ điều tra

POI: Từ 01 tháng 10 năm 2023 đến 30 tháng 9 năm 2024

POI-1: Từ 01 tháng 10 năm 2022 đến 30 tháng 9 năm 2023

POI-2: Từ 01 tháng 10 năm 2021 đến 30 tháng 9 năm 2022

(xiii) Bản trả lời câu hỏi và các dữ liệu dưới dạng bảng biểu phải được gửi dưới dạng dữ liệu điện tử sử dụng phần mềm Microsoft (Word, Excel), để nộp lên Hệ thống TRAV ONLINE cũng như để lưu trữ vào USB gửi cho Cơ quan điều tra. Lưu ý rằng các bảng biểu phải được đặt tên giống với tên bảng biểu tương ứng trong Bản câu hỏi và phù hợp với định dạng được trình bày mục 2 – quy định về việc đặt tên file dữ liệu.

(xiv) Bản trả lời câu hỏi **bao gồm 02 bản:**

- **Bản thông tin bảo mật ; và**
- **Bản thông tin lưu hành hạn chế.**

Cục Phòng vệ thương mại chỉ xem xét các Bản trả lời câu hỏi được tiếp nhận trong thời hạn quy định. Thời điểm nộp bản trả lời được ghi nhận chính xác trên Hệ thống TRAV ONLINE. Các công ty nộp Bản trả lời câu hỏi sau thời hạn quy định có thể sẽ bị coi là không hợp tác với Cơ quan điều tra.

Ngoài ra, các công ty sản xuất đồng thời cung cấp các mẫu giấy chứng nhận chất lượng (Mill-test certificate) đối với hàng hóa bị điều tra do công ty sản xuất và xuất khẩu sang thị trường Việt Nam.

(xv) Bảo mật thông tin

Cơ quan điều tra đảm bảo cơ hội tiếp cận với các thông tin không bảo mật liên quan đến vụ việc và được Cơ quan điều tra sử dụng trong quá trình điều tra.

Các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, mà việc công khai thông tin đó có thể sẽ tạo lợi thế cạnh tranh đáng kể cho đối thủ cạnh tranh, hoặc những thông tin được Cơ quan điều tra chấp thuận lý do bảo mật; sẽ được bảo mật theo quy định.

Các bên yêu cầu xử lý thông tin dưới dạng bảo mật cần:

- Chỉ rõ thông tin nào được yêu cầu xử lý bảo mật;
- Nêu rõ lý do yêu cầu bảo mật;

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

- Cung cấp bản thông tin lưu hành hạn chế tóm tắt các thông tin được yêu cầu bảo mật. Nếu thông tin không thể tóm tắt được thì phải nêu rõ lý do vì sao không thể tóm tắt được những thông tin đó. Bản thông tin lưu hành hạn chế phải được làm giống với Bản thông tin bảo mật nhưng các thông tin bảo mật được bỏ đi hoặc được tóm tắt.

(xvi) Yêu cầu gia hạn thời hạn trả lời Bản câu hỏi

Nếu không thể trả lời Bản câu hỏi đúng hạn, Công ty có thể gửi đề nghị gia hạn chính thức bằng văn bản cho Cơ quan điều tra trước khi kết thúc thời hạn trả lời. Yêu cầu gia hạn phải giải thích lý do đề nghị gia hạn và do đại diện pháp lý của Công ty ký gửi.

(xvii) Cơ quan điều tra có quyền xem xét không chấp nhận gia hạn thời hạn trả lời nếu yêu cầu gia hạn được gửi quá gần thời hạn trả lời hoặc lý do đề nghị gia hạn không chính đáng.

(xviii) Đối với các khoản chi phí được công ty kê khai theo hình thức phân bổ thay vì chi phí thực tế của từng hàng hóa, hãy chú giải công thức phân bổ chi phí và cơ sở phân bổ chi phí trong Bản trả lời câu hỏi. Các khoản chi phí được phân bổ không kèm theo công thức phân bổ và cơ sở phân bổ sẽ không được Cơ quan điều tra xem xét.

1. TRANG BÌA BẢN TRẢ LỜI

[TÊN NHÀ SẢN XUẤT/XUẤT KHẨU NƯỚC NGOÀI]

[TÊN QUỐC GIA NƠI ĐẶT NHÀ MÁY SẢN XUẤT]

☐ **BẢN THÔNG TIN BẢO MẬT (C)**

☐ **BẢN THÔNG TIN LƯU HÀNH HẠN CHẾ (L)**

(điền vào ô thích hợp)

**BẢN TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐIỀU RÀ SOÁT BIỆN PHÁP CHỐNG LẤN
TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI DÀNH CHO NHÀ
SẢN XUẤT/XUẤT KHẨU NƯỚC NGOÀI**

**VỤ VIỆC: RÀ SOÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẤN
TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI
MỘT SỐ SẢN PHẨM ĐƯỜNG MÍA (MÃ VỤ VIỆC:
AR02.AC02.AD13-AS01)**

[ĐỊA ĐIỂM, THÁNG/NĂM HOÀN THÀNH BẢN TRẢ LỜI CÂU HỎI]

2. DANH MỤC TÀI LIỆU

DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ 1. BẢN TRẢ LỜI CÂU HỎI CỦA CÔNG TY TÀI LIỆU NỘP KÈM 2. TÊN TÀI LIỆU 1 (TÀI LIỆU [BẢO MẬT/LƯU HÀNH HẠN CHẾ]) 3. TÊN TÀI LIỆU 2 (TÀI LIỆU [BẢO MẬT/ LƯU HÀNH HẠN CHẾ]) ...

MỤC A - THÔNG TIN CHUNG

A - 1 Chi tiết về Công ty

Cung cấp thông tin về Công ty như sau:

Tên Công ty:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người liên lạc:

Chức vụ:

Điện thoại:

E-mail của người liên lạc:

A - 2 Đại diện theo pháp luật

Nếu Công ty chỉ định đại diện theo pháp luật để hỗ trợ Công ty tham gia vào quá trình điều tra này, đề nghị cung cấp các chi tiết sau đây:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

E-mail của người liên lạc:

A - 3 Thông tin về công ty

Đề nghị Công ty cung cấp các thông tin sau đây về Công ty và tất cả các công ty mẹ, công ty trực thuộc, công ty con, công ty liên kết khác (sau đây gọi tắt là “công ty liên kết”)

1. Mô tả cơ cấu tổ chức của Công ty và các công ty liên kết (kèm theo mô tả chi tiết về mức độ quan hệ, chi phối lẫn nhau trên thực tế, tỷ lệ sở hữu và sở hữu chéo giữa các công ty). Công ty có thể cung cấp dưới dạng biểu đồ nhằm làm rõ các mối quan hệ này.
2. Hình thức pháp lý của Công ty và từng công ty liên kết..
3. Đề nghị nêu lịch sử tóm tắt của Công ty và từng công ty liên kết (ví dụ, ngày thành lập, nước đăng ký....).
4. Đề nghị cung cấp danh sách và bản sao của tất cả giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép tương đương được cấp cho Công ty và từng công ty liên kết kể từ khi được thành lập. Ghi rõ bất kỳ thay đổi nào đã xảy ra giữa

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

các bản khác nhau. Đồng thời, đề nghị cung cấp bất kỳ tài liệu bổ sung nào liên quan đến việc thành lập các công ty như giấy phép kinh doanh, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu, vốn báo cáo xác minh, v.v.

5. Liệt kê tất cả các thành viên góp vốn nắm giữ **hơn 5%** vốn điều lệ trong suốt thời kỳ điều tra và liệt kê các hoạt động của các thành viên góp vốn đó theo bảng sau:

Tên thành viên góp vốn	% vốn góp	Hoạt động của thành viên góp vốn

Đề nghị xác định nguồn vốn góp của (các) thành viên góp vốn, cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc và giải thích phương thức thu thập vốn góp. Nếu những khoản vốn đó không thuộc sở hữu của thành viên góp vốn thì ghi rõ bên nào đã cung cấp những khoản vốn đó.

6. Cung cấp sơ đồ cơ cấu tổ chức và phân cấp nội bộ. Sơ đồ phải chỉ rõ tất cả các đơn vị tham gia vào quy trình sản xuất, bán hàng và/hoặc phân phối Hàng hóa bị điều tra tại thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu (Xem Mục B) ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Đề nghị lưu ý việc mô tả các đơn vị liên quan đến việc phát triển, sản xuất, mua bán và phân phối Hàng hóa bị điều tra phải đầy đủ để Cơ quan điều tra có thể hiểu được cách vận hành của các đơn vị này.

7. Đề nghị cung cấp danh sách của tất cả các cơ sở sản xuất, địa điểm văn phòng kinh doanh, cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D), các văn phòng hành chính liên quan đến việc sản xuất và bán Hàng hóa bị điều tra của Công ty và từng công ty liên kết. Nếu đặt tại nhiều địa điểm khác nhau, đề nghị mô tả đặc điểm chính của mỗi địa điểm. Đề nghị mô tả ngắn gọn mục đích của từng cơ sở này, cung cấp địa chỉ và ghi rõ ngày cơ sở bắt đầu đi vào hoạt động, nguồn vốn đầu tư và trang thiết bị, địa điểm được mua hay thuê, diện tích của cơ sở sản xuất, số lượng và các loại máy móc được sử dụng để sản xuất Hàng hóa bị điều tra.
8. Cung cấp danh sách tất cả các hàng hóa do Công ty và các công ty liên kết sản xuất và/hoặc bán. Nếu các hàng hóa thuộc vào các nhóm hàng hóa khác nhau, đề nghị nêu ra các nhóm đó.
9. Cung cấp tên và địa chỉ, số điện thoại và số fax của tất cả các công ty trực thuộc, công ty con hoặc các công ty liên kết có liên quan đến Hàng hóa bị điều tra. Nêu rõ các hoạt động của từng công ty này. Ngoài ra, đề nghị nêu rõ tất cả các công ty trực thuộc, công ty con, công ty liên kết cung cấp các nguyên liệu đầu vào để sử dụng của việc sản xuất Hàng

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

hóa bị điều tra cho Công ty (xem Mục B sau đây) hoặc Công ty thay mặt cho các công ty liên kết này bán Hàng hóa bị điều tra trong POI, POI-1 và POI-2. Nêu rõ tỷ lệ phần trăm vốn góp mà Công ty nắm giữ trong mỗi công ty này và tỷ lệ phần trăm vốn góp mà các công ty này nắm giữ trong Công ty. Đề nghị sử dụng bảng sau để cung cấp các thông tin trên:

Tên, địa chỉ, điện thoại, và fax của công ty liên kết	Nếu có liên quan đến các Hàng hóa bị điều tra đề nghị đánh dấu ☒	Danh sách các hoạt động	Nếu là nhà sản xuất các Hàng hóa bị điều tra đề nghị đánh dấu ☒	Nếu là nhà cung cấp cho sản xuất các Hàng hóa bị điều tra đề nghị đánh dấu ☒	Tỷ lệ phần trăm vốn góp nắm giữ của Công ty trong các công ty liên kết	Tỷ lệ phần trăm vốn góp nắm giữ của công ty liên kết trong Công ty

10. Trong mọi trường hợp, đề nghị mô tả bản chất mối quan hệ của Công ty. Nêu rõ Công ty có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị hoặc điều hành viên cao cấp ở các công ty đó hay không. Nếu có, xác định rõ những người này và bản chất việc liên kết của họ. Đề nghị đính kèm bản sao các thỏa thuận giữa các công ty.
11. Nêu chi tiết về bất kỳ mối liên hệ tài chính hoặc theo hợp đồng và liên doanh với bất kỳ công ty khác liên quan đến việc sản xuất, bán hàng, li-xăng, các thỏa thuận về kỹ thuật và sáng chế đối với các hàng hóa liên quan.

A - 4 Thông tin kế toán tổng quát

1. Nêu rõ kỳ kế toán tài chính (năm tài chính) thông thường của Công ty.
2. Nêu địa chỉ nơi lưu các tài liệu kế toán liên quan đến hoạt động của Công ty. Nếu các tài liệu này được lưu trữ ở các nơi khác nhau, đề nghị nêu rõ tài liệu nào được lưu trữ tại địa điểm nào.
3. Đề nghị đính kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính và ý kiến của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính cho 03 (ba) **năm tài chính gần nhất** của Công ty cũng như cho các công ty liên kết với Công ty có tham gia vào sản xuất, tiếp thị hoặc bán các Hàng hóa bị điều tra (xem Phụ lục I). Nếu có thể, Công ty nên cung cấp bản sao các

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

báo tài chính tổng hợp cho các giai đoạn nêu trên. Trong trường hợp các báo cáo kế toán của Công ty chưa được kiểm toán, đề nghị đính kèm theo báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp bản sao của bất kỳ báo cáo tài chính nào hoặc báo cáo tài chính khác đã được nộp cho chính quyền địa phương hoặc chính quyền trung ương nơi công ty hoặc các công ty liên kết hoạt động cho 03 (ba) năm tài chính gần nhất.

4. Cung cấp một bảng liệt kê các tài khoản chi tiết đến cấp 4 được dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh, đối với mỗi công ty trong tập đoàn tham gia vào sản xuất hoặc bán các Hàng hoá bị điều tra (Chart of accounts).

A - 5 Thông tin khác

1. Đề nghị Công ty và các công ty liên kết cung cấp thông tin về các chính sách, cơ chế xuất khẩu, nhập khẩu của nước sở tại đối với Hàng hóa bị điều tra và các nguyên vật liệu sản xuất nơi công ty hoạt động.
2. Công ty có phải xin giấy phép hay cần có sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được nhập khẩu hay xuất khẩu đường hay không? Nếu có, đề nghị công ty giải thích về quy trình xin phép.
3. Trong trường hợp cần có sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu đường, việc đồng ý có đi kèm theo điều kiện nào trong các điều kiện dưới đây hay không. Nếu có, đề nghị xác định rõ và giải thích cụ thể
 - a. Hàng hóa nhập khẩu chỉ được nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất cho công ty;
 - b. Hàng hóa chỉ được nhập khẩu để phục vụ mục đích xuất khẩu;
 - c. Hàng hóa nhập khẩu chỉ được phép bán cho một số đối tượng khách hàng cụ thể;
 - d. Các điều kiện giới hạn khác.
4. Đối với sản phẩm đường sản xuất từ cây mía trồng tại Mi-an-ma, có quy định nào của Chính phủ Mi-an-ma về việc phân phối tại thị trường nội địa cũng như xuất khẩu đối với sản phẩm này hay không?
5. Đề nghị công ty trình bày và cung cấp các quy định của Chính phủ Mi-an-ma liên quan đến việc sản xuất, phân phối các sản phẩm đường được sản xuất từ cây mía trồng tại Mi-an-ma.

MỤC B - HÀNG HOÁ BỊ ĐIỀU TRA

B - 1 Phạm vi điều tra

Hàng hóa bị điều tra là một số sản phẩm đường mía.

Hàng hóa bị điều tra được phân loại theo mã HS của Việt Nam như sau: 1701.13.00, 1701.14.00, 1701.99.10, 1701.99.90, 1701.91.00 và 1702.90.91².

Bất kỳ dẫn chiếu nào tới “**Hàng hóa bị điều tra**” trong Bản câu hỏi này là những hàng hoá được mô tả ở trên. Những hàng hoá không đúng theo mô tả trên không thuộc phạm vi điều tra. Đề nghị giới hạn phần trả lời của công ty trong phạm vi thông tin liên quan đến Hàng hóa bị điều tra.

B - 2 Phân loại các Hàng hóa bị điều tra

Thông tin sau cần thiết để xác định và phân biệt Hàng hoá bị điều tra khác nhau do Công ty và các công ty liên kết của Công ty sản xuất hoặc bán. Đề nghị cung cấp thông tin càng chi tiết càng tốt.

1. Cung cấp một bộ tài liệu hoàn chỉnh giới thiệu hàng hóa do Công ty và/hoặc các công ty liên kết phát hành thể hiện tất cả các loại Hàng hoá bị điều tra.
2. Giải thích chi tiết các loại Hàng hoá bị điều tra do Công ty hoặc công ty liên kết sản xuất và/hoặc bán, mô tả chi tiết về chủng loại bao gồm nhưng không giới hạn bởi độ trắng, bao bì, kích cỡ tinh thể, v.v.
3. Mô tả chi tiết hệ thống mã hàng hoá của Công ty và các công ty liên kết. Cung cấp phương thức xây dựng mã hàng hóa đối với mã sản xuất và mã bán hàng, bao gồm tất cả mã đầu và mã cuối, hoặc các ký hiệu khác, mà xác định các quy cách riêng biệt. Đề nghị cho biết liệu hai sản phẩm hoàn toàn giống nhau có sử dụng hai mã hàng hóa khác nhau để phân biệt thị trường tiêu thụ hay không? Nếu có trường hợp như vậy, đề nghị giải thích cách xác định thị trường tiêu thụ dựa trên mã hàng hóa.
4. Giải thích chi tiết tất cả sự khác biệt giữa các loại Hàng hóa bị điều tra do Công ty và các công ty liên kết của Công ty bán trên thị trường nội địa và các hàng hóa được xuất khẩu vào Việt Nam. Các yếu tố cần nêu rõ bao gồm nguyên vật liệu, thiết kế, đặc điểm kỹ thuật và quy trình sản xuất. Giải thích bất kỳ các yếu tố khác làm cho giá thành khác nhau

² Có thể tra cứu mô tả của các mã HS này tại website: <https://www.customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx>

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

giữa các loại.

B - 3 Mức độ đầu tư

1. Đề nghị cung cấp trình tự ngắn gọn về hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty liên kết, tối thiểu phải xác định những thông tin sau:
 - a. Tháng và năm công ty bắt đầu đi vào hoạt động.
 - b. Vị trí cơ sở vật chất ban đầu.
 - c. Tổng đầu tư ban đầu.
 - d. Năm mà công ty bắt đầu sản xuất, kinh doanh Hàng hóa bị điều tra.
 - e. Giấy tờ cho thuê hoặc quyền sở hữu liên quan đến tài sản nơi công ty đặt các cơ sở của mình.
 - f. Ngày và tổng trị giá của bất kỳ khoản đầu tư bổ sung nào.
 - g. Cơ sở mới hoặc các cơ sở được thành lập với các khoản đầu tư này.
 - h. Phần đầu tư có liên quan đến sản xuất Hàng hóa bị điều tra.
 - i. Các loại hàng hóa được sản xuất trong các cơ sở mới này.
 - j. Các cải tiến phi cơ sở vật chất được tài trợ bởi các khoản đầu tư này (thiết bị và máy móc vốn, tăng lực lượng lao động, đào tạo nguồn nhân lực, v.v.).
 - k. Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023 và các quý I, II và III của năm 2024.
2. Đề nghị cung cấp mô tả đầy đủ kèm hình ảnh về các cơ sở sản xuất của Công ty và các công ty liên kết tại Nước bị điều tra. Đề nghị mô tả số lượng và loại máy móc và quy mô của cơ sở sản xuất. Đề nghị xác định chi tiết tất cả các thiết bị được sử dụng bởi Công ty và các công ty liên kết để sản xuất Hàng hóa bị điều tra. Đối với mỗi phần của thiết bị, xác định:
 - a. Thiết bị được sở hữu, thuê hay mượn.
 - b. Thời điểm mua và khoản tiền/tài sản khác được sử dụng để mua.
 - c. Mua từ ai.
 - d. Mẫu, mã sản xuất, tuổi của thiết bị.

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

- e. Cách thiết bị được khấu hao theo hệ thống kế toán của Công ty và các công ty liên kết, và trên tờ khai thuế. Xác định tuổi thọ trung bình của thiết bị và mức độ khấu hao được tính hàng năm.
 - f. Phần trăm thời gian mà thiết bị được sử dụng để sản xuất Hàng hóa bị điều tra để xuất khẩu sang Việt Nam. Mô tả chi tiết phương pháp sử dụng để tính toán giá trị này và cung cấp bảng tính.
 - g. Xác định năng lực sản xuất của các cơ sở sản xuất. Công suất sản xuất Hàng hóa bị điều tra (bao gồm đường thô và đường tinh luyện) mà Công ty và các công ty liên kết có thể sản xuất trong một năm.
3. Mô tả việc Công ty và các công ty liên kết có được đào tạo, tập huấn để sản xuất Hàng hóa bị điều tra từ bất kỳ tổ chức, cá nhân Thái Lan nào. Nếu có, đề nghị mô tả loại hình đào tạo, địa điểm đào tạo và đơn vị cung cấp đào tạo.

B - 4 Mức độ nghiên cứu và phát triển (R&D)

Đề nghị mô tả chi tiết hoạt động và chi phí R&D của Công ty và các công ty liên kết đối với việc sản xuất Hàng hóa bị điều tra (ví dụ tinh luyện đường thô thành đường trắng, đường tinh luyện). Đề nghị cung cấp các tài liệu hỗ trợ.

B - 5 Quá trình sản xuất

1. Đề nghị xác định Công ty có sản xuất Hàng hóa bị điều tra tại trụ sở hay không. Đề nghị liệt kê các cơ sở nơi Hàng hóa bị điều tra được sản xuất.
2. Đề nghị Công ty mô tả chi tiết về các quy trình sản xuất đường mía của công ty (sản xuất từ cây mía và sản xuất từ đường thô).
3. Cung cấp mô tả chi tiết về các quy trình sản xuất được sử dụng để sản xuất từng loại Hàng hóa bị điều tra. Mô tả của quá trình nên bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a. Sơ đồ quy trình.
 - b. Mô tả kỹ thuật của từng giai đoạn của quy trình.
 - c. Mô tả mức độ phức tạp và tự động hóa của từng bước trong quy trình sản xuất, tinh luyện.
 - d. Các loại máy móc được sử dụng trong mỗi bước của quy trình và số lượng nhân viên làm việc trong từng khâu sản xuất, xử lý.
4. Đối với từng bước sản xuất Hàng hóa bị điều tra, đề nghị cho biết nguyên liệu đầu vào, thời gian xử lý, các loại thiết bị được sử dụng, số lượng

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

người tham gia vào quy trình và bất kỳ sản phẩm phụ nào được tạo ra do quá trình sản xuất Hàng hóa bị điều tra.

5. Trong trường hợp công ty có hoạt động sản xuất Hàng hóa bị điều tra từ mía, đề nghị công ty cung cấp thông tin chi tiết về:
 - a. Danh sách các vùng nguyên liệu mía mà công ty thu mua (diện tích, sản lượng bình quân theo vụ gần nhất)
 - b. khoảng cách trung bình từ mỗi vùng nguyên liệu đến nhà máy của công ty
 - c. thời gian trồng và thời gian thu hoạch mía của mỗi vùng nguyên liệu,
 - d. sản lượng mía thu hoạch của mỗi vùng nguyên liệu,
 - e. nếu có khoảng thời gian không có mía để cung cấp cho nhà máy do không phải vụ thu hoạch, đề nghị công ty giải thích nhà máy hoạt động như thế nào trong những khoảng thời gian đó.
 - f. cung cấp danh sách các nhà cung cấp mía cho công ty và bản sao các hợp đồng cung cấp mía trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2.
6. Trong trường hợp công ty có hoạt động sản xuất Hàng hóa bị điều tra từ đường thô hoặc từ các loại đường khác, đề nghị công ty cung cấp thông tin về:
 - a. Danh sách các nguồn cung cấp đường nguyên liệu cho công ty: đường sản xuất trong nước, đường nhập khẩu từ Thái Lan, đường nhập khẩu từ các nước ASEAN khác, đường nhập khẩu từ các nước ngoài ASEAN
 - b. Giải thích cách công ty phân biệt, theo dõi nguyên liệu đường từ các nguồn mua khác nhau trong toàn bộ quá trình sản xuất, bán hàng và cung cấp các tài liệu dẫn chiếu cần thiết để làm rõ cho giải thích này (ví dụ: mã quản lý nguyên liệu, v.v.)
 - c. Giải thích phương pháp công ty theo dõi và phân biệt sản phẩm đường nguyên liệu mua ngoài, nhập khẩu và sản phẩm đường nguyên liệu do công ty sản xuất ra và cung cấp các tài liệu dẫn chiếu cần thiết để làm rõ cho giải thích này.
7. Đề nghị công ty cung cấp các tài liệu bổ sung để làm rõ về năng lực sản xuất đường từ cây mía mua tại thị trường trong nước
 - a. Thông tin về vùng nguyên liệu: diện tích vùng nguyên liệu, khoảng cách từ vùng nguyên liệu tới nhà máy (khoảng cách lớn

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

nhất);

- b. Cung cấp bản sao toàn bộ các hợp đồng mua mía để sản xuất của công ty trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2;
 - c. Tài liệu kỹ thuật về dây chuyền sản xuất đường mía của công ty để làm rõ về năng lực ép mía và sản xuất mía của công ty.
8. Đề nghị công ty mô tả chi tiết quy trình và các hồ sơ, giấy tờ kèm theo khi công ty nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa khi xuất khẩu sang Việt Nam. Đề nghị công ty, đối với mỗi loại chứng từ chứng nhận xuất xứ (WO, khác (nếu có)) mà công ty đã đề nghị cấp trong quá trình điều tra, cung cấp toàn bộ bản sao các bộ hồ sơ mà công ty đã nộp tới cơ quan có thẩm quyền cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ.

MỤC C - THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả lời càng đầy đủ đối với từng câu hỏi dưới đây. Trong trường hợp yêu cầu giải thích, đề nghị giải thích càng dễ hiểu càng tốt.

C - 1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Đề nghị cung cấp thông tin thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty³ theo **Bảng C-1** tại Phụ lục gửi kèm. Đề nghị giải thích chi tiết về cách phân bổ chi phí cho Hàng hóa bị điều tra.

C - 2 Doanh thu và lượng bán Hàng hóa bị điều tra

Đề nghị cung cấp thông tin thể hiện doanh thu và lượng bán Hàng hóa bị điều tra phân theo từng loại đường theo **Bảng C-2** tại Phụ lục gửi kèm. Các loại đường A, B, C, D, E, F tham khảo theo hướng dẫn tại mục E-2.

C - 3 Chính sách và hệ thống kế toán

1. Công ty phải mô tả chi tiết hệ thống kế toán tài chính. Nêu các hoạt động kế toán của công ty có được dựa trên các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (“GAAP”) tại nước sản xuất hay không. Mô tả nên bao gồm toàn bộ các nguyên tắc có ảnh hưởng lớn đến các chi phí của Hàng hóa bị điều tra, bao gồm các vấn đề dưới đây:
 - a) Thời hạn sử dụng bình quân của trang thiết bị sản xuất và phương pháp khấu hao và tỷ lệ khấu hao của từng trang thiết bị.
 - b) Các phương pháp đánh giá hàng tồn kho đối với các vật liệu chính, bán thành phẩm và thành phẩm, ví dụ, “nhập trước - xuất trước” (“FIFO”), “nhập sau - xuất trước” (“LIFO”), bình quân gia quyền, v.v.
 - c) Các phương pháp kế toán ghi hàng tồn kho là ghi giảm giá trị toàn bộ và giảm giá trị một phần của các vật liệu chính và thành phẩm.
 - d) Dự phòng cho bảo trì và sửa chữa lớn.
 - e) Giá trị hàng hóa bị hư hỏng hoặc kém chất lượng từ các giai đoạn sản xuất khác nhau.
 - f) Khoản thu hoặc lỗ do chênh lệch tỷ giá từ các giao dịch và từ việc chuyển đổi tiền tệ vào cuối năm. Giải thích tỷ giá chuyển đổi nào

³ Có thể điều chỉnh tên đề mục cho phù hợp với thuật ngữ của Bảng báo cáo doanh thu của công ty. Đề nghị tham vấn với cán bộ phụ trách vụ việc để biết thêm thông tin.

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

được sử dụng để chuyển đổi việc mua và bán bằng ngoại tệ sang nội tệ của công ty. Chỉ rõ ngày Công ty sử dụng tỷ giá chuyển đổi, ví dụ, ngày hóa đơn, ngày xuất hàng, v.v. và nguồn lấy tỷ giá chuyển đổi, ví dụ, tỷ giá chuyển đổi chính thức, hoặc tỷ giá khác được sử dụng. Đính kèm một danh mục tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu hàng tháng do Công ty thực hiện. Nêu rõ loại tiền tệ nào được ghi trong hóa đơn khi mua và xuất hàng hóa.

- g) Vốn hóa các chi phí chung và/hoặc chi phí tiền lãi là một phần của các chi phí tồn kho hàng hóa.
 - h) Rút gọn thời gian khấu hao.
 - i) Dự phòng nợ khó đòi.
 - j) Chi phí cho trang thiết bị không sử dụng đến và/hoặc máy móc ngừng hoạt động, chi phí có kế hoạch và không có kế hoạch.
 - k) Các chi phí đóng cửa.
 - l) Các chi phí tái cơ cấu.
2. Trong trường hợp bất kỳ phương pháp kế toán nào được Công ty sử dụng đã bị thay đổi trong hơn ba (03) năm tài chính cuối cùng, đề nghị cung cấp một giải trình chi tiết về các thay đổi đó, ngày thay đổi và các lý do thay đổi.
3. Mô tả hệ thống hạch toán chi phí mà Công ty sử dụng để ghi chép giá thành Hàng hóa bị điều tra. Mô tả của Công ty nêu theo trình tự và bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các mục dưới đây:
- a) Mô tả chung phương pháp hoạch toán chi phí của Công ty mà phương pháp này liên quan đến việc áp dụng giá thành đối với các đơn vị riêng lẻ của Hàng hóa bị điều tra (ví dụ, trình tự công việc, chi phí chế biến). Khẳng định hệ thống hoạch toán chi phí là một phần không thể tách rời với hệ thống kế toán tài chính của Công ty đã được sử dụng trong các báo cáo tài chính hay không.
 - b) Mô tả việc sử dụng các chi phí dự toán và chi phí chuẩn, nếu áp dụng, bao gồm:
 - (i) Các loại khác nhau được ghi chép theo hệ thống hoạch toán chi phí của Công ty và chúng được sử dụng như thế nào trong phần quy trình báo cáo quản lý của Công ty.
 - (ii) Giai đoạn mà sự khác biệt đã được tính toán và ghi nhận;
 - (iii) Các biện pháp được sử dụng để phát triển các chi phí chuẩn

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

của Công ty;

- (iv) Thường xuyên sửa đổi chi phí chuẩn, bao gồm ngày sửa đổi gần nhất.
- c) Nếu Công ty sử dụng hệ thống chi phí chuẩn, đề nghị cho biết là liệu các chi phí chuẩn đã được sử dụng trong câu trả lời của Công ty hay không và liệu mọi sự khác biệt giữa các chi phí thực tế và chi phí chuẩn đã được tính hay không. Đề nghị giải thích chi tiết phương pháp tính đã sử dụng cũng như bất kỳ sự khác biệt chi phí bất thường hoặc đáng kể nào phát sinh trong thời kỳ điều tra.
- d) Một danh sách các đơn vị hoạch toán chi phí trực tiếp là một phần trong phần hệ thống hoạch toán chi phí của Công ty. Mô tả ngắn gọn một công đoạn hoạt động sản xuất do đơn vị hạch toán chi phí đã liệt kê.
- e) Một danh sách các đơn vị hoạch toán chi phí gián tiếp là một phần trong hệ thống hoạch toán chi phí của công ty. Mô tả ngắn gọn các chi phí gián tiếp đã được cộng dồn tại từng đơn vị hoạch toán chi phí và phương pháp được sử dụng một cách thông thường để tính các chi phí cộng dồn này vào trong các đơn vị hạch toán chi phí trực tiếp và vào Hàng hóa bị điều tra.
- f) Các phương pháp và cơ sở được sử dụng để tính các chi phí giữa các đơn vị thuộc Công ty (ví dụ công ty mẹ tính chi phí cho các công ty trực thuộc, Công ty tính chi phí cho các nhà máy cụ thể, các chi phí tính cho nhiều nhà máy).
- g) Các phương pháp được sử dụng để tính phế liệu, hàng hóa kém chất lượng hoặc hư hỏng từ mỗi giai đoạn trong quy trình sản xuất. Đồng thời đề nghị nêu rõ phương pháp được sử dụng để tính trong trường hợp tái chế các loại trên.
- h) Mô tả việc sử dụng hệ thống hoạch toán chi phí của Công ty để đánh giá chi phí bán hàng và việc tồn kho các nguyên vật liệu chính, bán thành phẩm và thành phẩm trong các báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- i) Một danh sách toàn bộ các chi phí đã được đánh giá hoặc xử lý khác nhau nhằm các mục đích hoạch toán tài chính và hoạch toán chi phí. Xác định sự khác nhau và giải thích lý do của sự khác nhau đó.

C - 4 Quy trình sản xuất

Mô tả quy trình sản xuất Hàng hóa bị điều tra. Việc mô tả của Công ty nên bao gồm những vấn đề sau:

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

- a) Mô tả cơ sở sản xuất của Công ty. Nếu quy trình sản xuất hoặc bất kỳ quy trình sản xuất nào được thực hiện tại hơn một cơ sở sản xuất, đề nghị liệt kê toàn bộ cơ sở sản xuất, bao gồm cả địa điểm và cung cấp các mô tả ngắn gọn các hoạt động sản xuất được thực hiện tại các cơ sở sản xuất chính này.
- b) Giải thích quy trình sản xuất Hàng hóa bị điều tra đã được Công ty sản xuất và bán và đính kèm theo một biểu đồ hoàn chỉnh chu kỳ sản xuất, bao gồm cả các mô tả về từng giai đoạn của quy trình sản xuất.
- c) Trường hợp các vật liệu chính được sử dụng để sản xuất cả Hàng hóa bị điều tra xuất khẩu sang Việt Nam và các hàng hóa khác trong vụ kiện này, đề nghị cung cấp các thông tin liên quan đến việc sử dụng nguyên liệu trùng khớp này.
- d) Xác định bất kỳ hàng hóa nào do công ty sản xuất trong cùng các cơ sở sản xuất là Hàng hóa bị điều tra.
- e) Xác định “các phụ phẩm” chính từ việc sản xuất các Hàng hóa bị điều tra và mô tả việc sử dụng “các phụ phẩm” này.
- f) Liệt kê các vật liệu chính được sử dụng trong quy trình sản xuất và mối quan hệ giữa Công ty với các nhà cung cấp chính (liên kết hay không liên kết). Chỉ rõ các vật liệu chính được nhập khẩu hay không và giải thích giá trị của vật liệu chính có bao gồm các phí nhập khẩu hoặc các loại thuế gián tiếp nào hay không.
- g) Đề nghị chỉ rõ liệu Công ty hoặc công ty liên kết mua, sản xuất hoặc chiết xuất nguyên liệu thô hoặc các nguyên vật liệu chính khác ở thị trường nội địa hoặc nước ngoài hay không và những nguyên liệu đó là gì.

C - 5 Mua nguyên liệu chính

- 1. Đề nghị Công ty cung cấp **báo cáo tổng hợp giá trị và khối lượng mía và đường** được công ty mua vào trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2 bằng cách điền vào **Bảng C-5.1 trong Phụ lục gửi kèm**.
- 2. Đề nghị Công ty cung cấp một **danh sách hoàn chỉnh tất cả các giao dịch mua mía và đường từ thị trường nội địa** của Công ty trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2 bằng việc điền vào **Bảng C-5.2 trong Phụ lục gửi kèm**.
- 3. Đề nghị Công ty cung cấp một **danh sách hoàn chỉnh tất cả các giao dịch công ty nhập khẩu mía và đường** trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2 bằng việc điền vào **Bảng C-5.3 trong Phụ lục gửi kèm**.

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

4. Đề nghị công ty cung cấp danh sách tất cả các nhà cung cấp mía và đường cho công ty bằng cách điền vào **Bảng C-5.4 trong Phụ lục gửi kèm**.
5. Đề nghị công ty cung cấp bản sao chứng từ thanh toán việc mua nguyên liệu cây mía để sản xuất trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2 và sổ chi tiết trích xuất từ hệ thống kế toán được sử dụng để ghi nhận các giao dịch này.
6. Trong trường hợp Hàng hoá bị điều tra do Công ty tự sản xuất hay do công ty liên kết của Công ty sản xuất, đề nghị Công ty hoàn thiện **Bảng C-5.5 trong Phụ lục gửi kèm**.

*****Lưu ý: đối với Bảng C-5.5 trong Phụ lục gửi kèm:**

- Bảng này phải liệt kê chi phí theo từng tháng trong giai đoạn POI để sản xuất Hàng hóa bị điều tra
 - Các chi phí phải được kê khai theo chi phí sản xuất thực tế.
 - Các chi phí kê khai không bao gồm các khoản thuế đầu vào phải trả để mua hàng hóa/dịch vụ nhằm sản xuất nguyên vật liệu chính hoặc phụ liệu chính. Các khoản thuế phải trả khác (như thuế nhập khẩu) phải được kê khai là “Chi phí khác” nếu chưa được tính vào chi phí nguyên liệu.
7. Đề nghị công ty cung cấp báo cáo xuất nguyên liệu mía và đường của Công ty để sản xuất Hàng hoá bị điều tra bằng cách kê khai theo **Bảng C-5.6 trong Phụ lục gửi kèm**.

***** Lưu ý: Đối với bảng C-5.6 trong Phụ lục gửi kèm:**

- Ngày của phiếu nhập kho thành phẩm (Cột N) và mã phiếu nhập kho thành phẩm (Cột O) phải trùng với ngày của phiếu nhập kho và mã phiếu nhập kho của thành phẩm được công ty kê khai tương ứng tại các cột E và F của Bảng C-5.7.
 - Trong trường hợp một lô nguyên liệu có cùng mã phiếu nhập kho nguyên liệu (Cột D) nhưng được tách ra để đưa vào sản xuất tại các thời điểm khác nhau, đề nghị công ty kê khai từng dòng riêng, đối với mỗi dòng đề nghị công ty kê khai thông tin tương ứng vào các cột phản ánh đúng các thông tin tại thời điểm lượng nguyên liệu đó được đưa vào sản xuất.
8. Đề nghị công ty cung cấp báo cáo xuất bán Hàng hoá bị điều tra bằng cách kê khai theo **Bảng C-5.7 trong Phụ lục gửi kèm**.

*****Lưu ý: Đối với bảng C-5.7 trong Phụ lục gửi kèm:**

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

- Trong trường hợp Hàng hóa bị điều tra do công ty sản xuất, ngày của phiếu nhập kho thành phẩm (Cột E) và mã phiếu nhập kho thành phẩm (Cột F) phải trùng với ngày của phiếu nhập kho và mã phiếu nhập kho thành phẩm được công ty kê khai tương ứng tại Cột N và Cột O của Bảng C-5.6.
- Trong trường hợp Hàng hóa bị điều tra do công ty mua vào, ngày của phiếu nhập kho thành phẩm (Cột E) và mã phiếu nhập kho thành phẩm (Cột F) phải trùng với ngày của phiếu nhập kho và mã phiếu nhập kho hàng hóa mua vào được công ty kê khai tương ứng tại Cột P và Cột Q của Bảng C-5.2 (đối với mua trong nước) hoặc Cột AA và Cột AB của Bảng C-5.3 (đối với mua nhập khẩu).
- Trong trường hợp một lô xuất bán bao gồm Hàng hóa bị điều tra được mua vào hoặc được sản xuất tại các thời điểm khác nhau, đề nghị công ty kê khai từng dòng riêng, đối với mỗi dòng đề nghị công ty kê khai thông tin tương ứng vào các cột phản ánh đúng các thông tin tại thời điểm lượng Hàng hóa bị điều tra đó được mua vào hoặc được sản xuất ra.

C - 6 Chi phí sản xuất

1. Đề nghị Công ty kê khai theo **Bảng C-6 trong Phụ lục gửi kèm** thông tin chi phí sản xuất/chi phí kinh doanh (theo đơn vị tiền tệ trong hệ thống kế toán của công ty). **Các tiêu đề của mỗi mục có thể được sửa lại cho phù hợp với thuật ngữ trong Hệ thống hạch toán chi phí của Công ty.**
2. Nếu công ty sản xuất hàng hoá bị điều tra từ mía và đường thô, đề nghị công ty kê khai chi phí được nêu **Bảng C-6** thành hai bảng riêng biệt đối với từng loại nguyên liệu được sử dụng (mía và đường thô).
3. Mô tả chi tiết phương pháp phân bổ đã được sử dụng để báo cáo từng chi phí đã liệt kê tại **Bảng C-6**. Trình bày cách tính thực tế đã sử dụng trong cách tính trong bản đã nộp của công ty. Mỗi chi phí cần có một cách tính mẫu để minh họa. Việc mô tả của công ty nên bao gồm những phần dưới đây:
 - a) Đối với các chi phí nguyên liệu được mua từ các công ty không liên kết, đề nghị giải thích bản chất thỏa thuận theo hợp đồng. Nêu rõ các chi phí nguyên vật liệu có bao gồm hay không chi phí vận tải, thuế và các chi phí khác thường liên quan đến việc mua nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất.
 - b) Trong trường hợp công ty mua vật liệu từ các nhà cung cấp liên kết, đề nghị trình bày thêm về giá chuyển giao là thể hiện giá thị trường hợp lý hay không. Đề nghị cung cấp, nếu có thể, các giá mua từ các

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

bên không liên kết cho các nguyên liệu đầu vào có thể so sánh hoặc tương tự. Nếu các giá mua này không thể cung cấp được, đề nghị cung cấp các thông tin về chi phí sản xuất cho các nguyên liệu đầu vào.

- c) Trong trường hợp các chi phí lao động trực tiếp bao gồm khoản tiền thanh cho lao động theo hợp đồng, đề nghị báo cáo riêng các khoản tiền đã thanh toán cho lao động theo hợp đồng. Đề nghị chỉ ra liệu các nhà thầu lao động có liên quan đến công ty hay không. Mô tả các dịch vụ sản xuất do các nhà thầu lao động cung cấp.
- d) Giải thích cách tính chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) cho Hàng hóa bị điều tra.
- e) Giải thích phương pháp được sử dụng lập “Dự phòng cho sửa chữa lớn”.

C - 7 Chi phí bán hàng

Đề nghị kê khai theo **Bảng C-7 trong Phụ lục gửi kèm** cho từng công ty tham gia vào việc bán Hàng hóa bị điều tra, nghĩa là, từng phần của Công ty và từng công ty liên kết có các tài khoản riêng cho các mục của các chi phí SG&A. Các bảng nên trình bày tổng các chi phí cho từng công ty và từng mục để chia giữa Hàng hóa bị điều tra và các hàng hóa khác. Đề nghị cung cấp các doanh thu cho từng công ty, trong đó có doanh thu của Hàng hóa bị điều tra và doanh thu của hàng hóa khác

Lưu ý:

Tiêu đề của từng mục có thể được sửa đổi để phù hợp với thuật ngữ trong Hệ thống hạch toán chi phí của Công ty.

- 1. Các số liệu doanh thu liên quan nên để doanh thu thuần (sau khi đã khấu trừ toàn bộ) và được đưa vào từng cột riêng biệt.
- 2. Các cột “%” đề cập đến doanh thu thuần; khoản tiền của từng mục chi phí nên thể hiện phần trăm của doanh thu thuần.
- 3. Đề nghị giải thích cơ sở từng mục chi phí riêng được tính. Nếu phương pháp tính không giống phương pháp sử dụng để tính doanh thu, phương pháp này phải được giải thích cụ thể.
- 4. “Các chi phí hàng hóa đã bán” đề cập đến chi phí sản xuất (trực tiếp và gián tiếp) hoặc các chi phí mua Hàng hóa bị điều tra. Các chi phí SG&A nên được liệt kê riêng rẽ để chỉ ra số tiền của từng mục chi phí.

MỤC D - BÁN HÀNG HÓA BỊ ĐIỀU TRA VÀO VIỆT NAM

Để xác định được các hàng hoá nào thuộc thời kỳ điều tra, ngày ghi trên hóa đơn sẽ được coi là ngày bán hàng. Tuy nhiên, Công ty cần cung cấp cả thông tin về ngày hợp đồng, trong một số trường hợp, Cơ quan điều tra có thể xem xét sử dụng ngày hợp đồng là ngày bán hàng.

Lưu ý: Định dạng ngày tháng của ngày hóa đơn và ngày mua hàng phải được để đúng theo định dạng của phần mềm excel.

D - 1 Các thông tin tổng quát

1. Đề nghị giải thích các kênh phân phối của Công ty/phương thức bán hàng vào Việt Nam, quy định liên quan của Chính phủ, quy trình bán hàng bắt đầu từ việc bán cho khách hàng không liên kết đầu tiên. Hồ sơ bao gồm một lược đồ chi tiết nêu rõ điều kiện bán hàng và chính sách giá cho từng loại khách hàng (ví dụ người sử dụng cuối cùng, nhà phân phối, v.v.) bao gồm cả các công ty liên kết.
2. Mô tả từng giai đoạn thương lượng bán hàng, kể từ bước tiếp cận đầu tiên với khách hàng cho đến việc điều chỉnh giá cuối cùng. Nếu quá trình bán hàng khác nhau giữa các loại khách hàng, đề nghị mô tả sự khác nhau đó một cách riêng rẽ.
3. Nếu hàng xuất khẩu thông qua một nước trung gian, đề nghị cung cấp các thông tin dưới đây:
 - a) Đề nghị giải thích về từng kênh phân phối sử dụng để xuất khẩu Hàng hóa bị điều tra vào Việt Nam. Cung cấp tên của các công ty tham gia và nêu rõ công ty đó có phải là công ty liên kết hay không. Đề nghị cung cấp thông tin về việc ai là chủ sở hữu các Hàng hóa bị điều tra khi hàng lưu tại nước trung gian. Lập danh sách các mẫu/loại hoặc chất lượng của các Hàng hóa bị điều tra và các quốc gia mà từ đó các chuyển hàng này được xuất vào Việt Nam. Đề nghị cung cấp một lược đồ chỉ rõ phương thức giao hàng, đặt hàng, xuất hóa đơn, và thanh toán các chuyển hàng của Hàng hóa bị điều tra.
 - b) Đề nghị giải thích chi tiết trong trường hợp có gia công thêm hoặc Hàng hóa bị điều tra được thay đổi hoặc gia cố bằng bất kỳ cách nào tại nước trung gian. Công ty có thể sử dụng các bảng biểu hoặc đồ thị để hoàn thiện các câu trả lời của mình.
 - c) Đề nghị cung cấp thông tin về việc liệu hàng hóa đó được gửi tới Việt Nam thông qua nước trung gian hay không, bao gồm các nguyên liệu từ các nước ngoài nước xuất khẩu. Nếu có, xác định nước xuất xứ của mỗi nguyên liệu, bao gồm hàng hóa thực sự được

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

bán vào Việt Nam và chỉ rõ nơi sản xuất hàng hóa đó.

4. Đối với các chuyển hàng bán thông qua các công ty liên kết, đề nghị cung cấp thông tin chi tiết về cách thức sản xuất, theo đó chỉ rõ quá trình diễn ra giữa lúc đặt hàng và giao hàng đến khách hàng không liên kết đầu tiên. Đề nghị giải trình đầy đủ về việc xuất hóa đơn và thực hiện thanh toán.
5. Đề nghị cung cấp biểu đồ theo trình tự thời gian theo mẫu riêng biệt và nêu chi tiết tất cả các bước trong quá trình này. Cho biết lượng thời gian trung bình tại mỗi bước.
6. Nếu Công ty bán hàng theo các hợp đồng (ngắn hoặc dài hạn), đề nghị mô tả chi tiết về quá trình thương lượng các hợp đồng, giá và số lượng của các hợp đồng. Mô tả từng loại hợp đồng áp dụng cho từng loại Hàng hóa bị điều tra, bao gồm các điều khoản, các yêu cầu đối với việc thay đổi giá hoặc thương lượng giá lại bởi một bên của hợp đồng, v.v. Đề nghị giải thích các cam kết của các bên nếu hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn.
7. Đề nghị giải thích liệu việc sản xuất bắt đầu sau khi khách hàng đặt hàng với các đặc điểm kỹ thuật sản phẩm cụ thể hoặc tuân theo lịch trình sản xuất thông thường của Công ty.
8. Đề nghị cung cấp bản sao của tất cả các bảng giá (kèm theo bản dịch tiếng Việt) đã phát hành hoặc đang sử dụng trong suốt thời kỳ POI, POI-1 và POI-2 cho các khách hàng ở Việt Nam, bao gồm cả các công ty liên kết.
9. Đề nghị liệt kê tất cả các chi phí mà Công ty đã thanh toán hoặc hoàn trả cho các công ty liên kết, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kể là các chi phí đó có liên quan đến Hàng hóa bị điều tra hay không. Đề nghị giải thích chi tiết về bản chất của các chi phí này.
10. Nếu công ty mua hàng hóa bị điều tra để bán hàng/xuất khẩu, giải thích cách công ty quản lý, theo dõi, phân biệt các lô hàng từ nguồn mua khác nhau và cung cấp các tài liệu dẫn chiếu cần thiết để làm rõ cho giải thích này (ví dụ: mã quản lý lô hàng...)

D - 2 Bán hàng cho các khách hàng Việt Nam

Đề nghị công ty cung cấp thông tin về tất cả các lô hàng hóa bị điều tra được Công ty bán cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam (kể cả liên kết và không liên kết).

1. Đề nghị Công ty kê khai thông tin theo **Bảng D-2.1 trong Phụ lục gửi kèm** đối với từng giao dịch Hàng hóa bị điều tra xuất sang Việt Nam theo trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2.

*****Lưu ý: Đối với bảng D-2.1 trong Phụ lục gửi kèm:**

- Ngày của phiếu xuất kho Hàng hóa bị điều tra (Cột C) và mã phiếu xuất kho Hàng hóa bị điều tra (Cột D) phải trùng với ngày của phiếu xuất kho và mã phiếu xuất kho tương ứng được công ty kê khai tại Cột J và Cột K của Bảng C-5.7
 - Cột M - Form of C/O cần ghi rõ tiêu chí xuất xứ đối với từng giao dịch xuất khẩu đường mía (ví dụ W/O, RVC...)
 - Đề nghị công ty nghiên cứu kỹ các nội dung được yêu cầu tại các bảng C-5.6 và C-5.7 và cung cấp thông tin để làm rõ việc với mỗi lô hàng xuất khẩu sang Việt Nam, công ty sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào có xuất xứ từ đâu. Công ty có thể sử dụng biểu mẫu theo các bảng C-5.6 và C-5.7 hoặc xây dựng biểu mẫu theo hệ thống quản trị của công ty để làm rõ về nguồn gốc nguyên liệu của từng lô hàng xuất khẩu sang Việt Nam trong thời kỳ POI, POI-1 và POI-2.
2. Đề nghị Công ty cung cấp thông tin của tất cả các khách hàng Việt Nam theo **Bảng D-2.2 trong Phụ lục gửi kèm.**
3. Đề nghị Công ty lựa chọn **mỗi tháng** trong thời kỳ điều tra (POI) **10 giao dịch** xuất khẩu Hàng hóa bị điều tra sang Việt Nam (*trong trường hợp số lượng giao dịch trong tháng ít hơn 10 giao dịch thì cung cấp toàn bộ các giao dịch*) của Công ty cho các khách hàng khác nhau trong thời kỳ điều tra và chuẩn bị bộ chứng từ đầy đủ cho mỗi giao dịch đó, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các giấy tờ sau:
- Hợp đồng mua bán;
 - Đơn đặt hàng;
 - Xác nhận đơn hàng;
 - Hóa đơn thương mại
 - Phiếu đóng gói;
 - Hóa đơn vận chuyển;
 - Vận đơn;
 - Các chứng từ khác thể hiện các khoản giảm trừ: chiết khấu, bảo hiểm, phí ngân hàng...;
 - Chứng từ thanh toán;
 - Báo cáo sản xuất chi tiết đối với lô hàng, phiếu nhập kho nguyên liệu, phiếu xuất kho để sản xuất, phiếu nhập kho thành phẩm, phiếu xuất kho để bán.

D - 3 Quy trình cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ

- Đề nghị Công ty mô tả quy trình cấp chứng nhận xuất xứ theo quy định của pháp luật nơi công ty đăng ký/đặt trụ sở.
- Đề nghị Công ty cung cấp tất cả các văn bản, tài liệu có liên quan đến việc cấp chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật nơi công ty đăng ký/đặt trụ sở.
- Đề nghị công ty cung cấp toàn bộ bản sao bộ hồ sơ công ty nộp để đề nghị cấp C/O tại cơ quan có thẩm quyền đối với hàng hoá xuất khẩu sang Việt Nam và sang nước thứ ba trong thời kỳ điều tra.

MỤC E – BÁN HÀNG HÓA BỊ ĐIỀU TRA TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Để xác định hàng hóa nào được bán thuộc thời kỳ điều tra, ngày ghi trên hóa đơn sẽ được xem là ngày bán hàng. Tuy nhiên, Công ty cần cung cấp cả thông tin về ngày hợp đồng, trong một số trường hợp, Cơ quan điều tra có thể xem xét sử dụng ngày hợp đồng là ngày bán hàng.

Lưu ý: Định dạng ngày tháng của ngày hóa đơn và ngày mua hàng phải được để đúng theo định dạng của phần mềm excel.

E - 1 Các thông tin tổng quát

1. Giải thích các kênh phân phối của Công ty tại thị trường trong nước bắt đầu từ công nhà máy cho đến khi bán lại cho các khách hàng trong nước đầu tiên của Công ty. Bao gồm một sơ đồ chi tiết mô tả các điều khoản bán hàng và giá cả đối với từng loại khách hàng (ví dụ, người sử dụng cuối cùng, các nhà phân phối, v.v.), bao gồm cả các công ty liên kết.
2. Mô tả từng bước quá trình đàm phán bán hàng, từ giai đoạn đầu tiên khi liên lạc với khách hàng cho đến khi có bất kỳ việc điều chỉnh giá bán nào sau khi đã bán hàng. Nếu quá trình bán hàng là khác nhau đối với từng loại khách hàng, đề nghị mô tả riêng biệt từng sự khác nhau đó. Đề nghị cung cấp biểu đồ theo trình tự thời gian chi tiết hóa từng bước trong quá trình này. Đề nghị chỉ rõ khung thời gian trung bình trong mỗi bước được thực hiện.
3. Đối với tất cả các hàng hóa đều bán thông qua các công ty liên kết, đề nghị mô tả chi tiết việc bán hàng được thực hiện như thế nào, chỉ ra thủ tục giữa thời điểm đặt hàng và giao hàng tới khách hàng không liên kết đầu tiên. Đề nghị giải trình đầy đủ cách thức thực hiện, phát hành hóa đơn và việc thanh toán.
4. Đề nghị giải thích liệu việc sản xuất có bắt đầu sau khi khách hàng đã đặt tiêu chuẩn của hàng hóa và việc bán hàng được thực hiện, hoặc theo lịch trình sản xuất thông thường của Công ty hay không.
5. Cung cấp bản sao của tất cả các bảng giá (bảng tiếng Việt hoặc đính kèm bản dịch bằng tiếng Việt) được lập hoặc được sử dụng trong thời kỳ điều tra cho tất cả các khách hàng nội địa, bao gồm cả bảng giá áp dụng cho các công ty liên kết.

E - 2 Bán hàng cho khách hàng nội địa

Trong phần này của Mục E, Công ty phải cung cấp thông tin đầy đủ về việc bán Hàng hóa bị điều tra cho các khách hàng nội địa (liên kết và không liên kết).

1. Chuẩn bị một danh mục với tên "**DMSALES**" (chi tiết xem Mục G-4 - Bảng G-4.1 tại Phụ lục gửi kèm) về toàn bộ việc bán hàng nội địa của công ty, trên cơ sở của từng giao dịch.

Bảng câu hỏi cho nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài

2. Đề nghị Công ty lựa chọn **10 giao dịch bán hàng nội địa** của Công ty cho các khách hàng khác nhau **trong mỗi tháng** của thời kỳ điều tra và chuẩn bị 1 bộ chứng từ đầy đủ cho mỗi giao dịch đó (**chỉ cung cấp bản chụp và lưu dưới dạng file pdf**), bao gồm nhưng không giới hạn bởi các giấy tờ sau:
- Hợp đồng mua bán;
 - Đơn đặt hàng;
 - Xác nhận đơn hàng;
 - Hóa đơn thương mại;
 - Phiếu đóng gói;
 - Hóa đơn vận chuyển;
 - Các chứng từ khác thể hiện các khoản giảm trừ: chiết khấu, bảo hiểm, phí ngân hàng...;
 - Chứng từ thanh toán.
 - Báo cáo sản xuất chi tiết đối với lô hàng, phiếu nhập kho nguyên liệu, phiếu xuất kho để sản xuất, phiếu nhập kho thành phẩm, phiếu xuất kho để bán.

MỤC F - THÔNG TIN YÊU CẦU VỀ DỮ LIỆU NỘI

1. Hệ thống tiếp nhận hồ sơ phòng vệ thương mại trực tuyến (TRAV ONLINE)
2. Toàn bộ bản trả lời và dữ liệu gửi kèm cần được lưu vào USB và gửi tới cơ quan điều tra.
2. Các dữ liệu này phải tương thích với định dạng của Excel.
3. Hướng dẫn về phân loại các loại đường được sử dụng trong các bảng dữ liệu đi kèm tại Phụ lục 2.

Tên trường	Giải thích
Độ tinh khiết (độ Pol - °Z) (Type of Sugar in Data files)	99,8 <= A 99,7 <= B < 99,8 99,5 <= C < 99,7 98,5 <= D < 99,5 96,5 <= E < 98,5 F < 96,5

Đề nghị công ty giải thích chi tiết phương pháp công ty sử dụng để phân loại sản phẩm từ tiêu chuẩn của công ty sang các dạng phân loại của cơ quan điều tra và cung cấp các tài liệu nội bộ của công ty để chứng minh, làm rõ cho phương pháp này.

XÁC NHẬN

Người ký tên dưới đây xác nhận rằng mọi thông tin được cung cấp để trả lời Bản câu hỏi này, là đầy đủ và chính xác theo hiểu biết tốt nhất và sự tin tưởng cao nhất của công ty và hiểu rằng CƠ QUAN ĐIỀU TRA có thể thẩm tra và xác minh các thông tin được cung cấp.

Ngày

Chữ ký của người có thẩm quyền

Tên và chức danh của người có thẩm quyền

PHỤ LỤC 1- HƯỚNG DẪN CHUNG VỀ TRẢ LỜI BẢN CÂU HỎI ĐIỀU TRA

Bảng chú giải đưa ra giải thích và định nghĩa của một số từ chuyên môn được sử dụng trong Bản câu hỏi.

Các dữ kiện có sẵn

Trong trường hợp một bên có liên quan từ chối cho phép tiếp cận, hoặc không cung cấp thông tin cần thiết trong thời hạn yêu cầu, hoặc ngăn cản một cách đáng kể việc điều tra, các kết luận tạm thời hoặc chính thức có thể được đưa ra trên cơ sở các dữ kiện có sẵn. Khi các thông tin đã cung cấp được phát hiện là không chính xác hoặc sai lạc, thông tin đó sẽ không được xem xét và các dữ kiện có sẵn sẽ được sử dụng. Vì vậy, việc các bên có liên quan hợp tác một cách tích cực trong quá trình giải quyết vụ việc này chính là bảo vệ lợi ích của mình.

Năm dương lịch

Năm dương lịch bắt đầu từ 1/1 và kết thúc vào 31/12.

Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất (COM) bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí phân bổ chung. Cũng xem phần chú giải chi phí nguyên liệu thô, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí phân bổ chung.

Nước xuất xứ

Nước xuất xứ được xác định theo Chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Trong trường hợp không có Chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Nước xuất xứ là nước nơi hàng hoá được sản xuất toàn bộ hoặc là nước nơi mà công đoạn sản xuất quan trọng cuối cùng được thực hiện.

Mã quốc gia và tiền tệ

Các mã quốc gia và tiền tệ là các mã số do Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (International Standards Organisation (ISO)) xác định. Trong quá trình trả lời bảng câu hỏi của Việt Nam, các mã số ISO nên được sử dụng khi các mã quốc gia hoặc tiền tệ được yêu cầu. Các bảng sau tóm tắt các mã số thông dụng nhất:

Quốc gia	Mã quốc gia	Mã tiền tệ
ÁO	AT	ATS

Quốc gia	Mã quốc gia	Mã tiền tệ
MACAU	MO	MOP

Quốc gia	Mã quốc gia	Mã tiền tệ
BANGLADESH	BD	BDT
BELARUS	BY	BYB
BỈ	BE	BEF
BRAZIL	BR	BRL
BULGARIA	BG	BGL
CANADA	CA	CAD
TRUNG QUỐC	CN	CNY
CROATIA	HR	HRK
CỘNG HOÀ SÉC	CZ	CZK
ĐAN MẠCH	DK	DKK
AI CẬP	EG	EGP
ESTONIA	EE	EEK
PHẦN LAN	FI	FIM
PHÁP	FR	FRF
ĐỨC	DE	DEM
HY LẠP	GR	GRD
HONG KONG	HK	HKD
HUNGARY	HU	HUF
ICELAND	IS	ISK
ẤN ĐỘ	IN	INR
INDONESIA	ID	IDR
IRAN	IR	IRR
IRAQ	IQ	IQD
IRELAND	IE	IEP
ISRAEL	IL	ILS
ITALY	IT	ITL
NHẬT BẢN	JP	JPY
HÀN QUỐC	KR	KRW
LATVIA	LV	LVL
LIECHTENSTEIN	LI	CHF
LITHUANIA	LT	LTL
LUXEMBOURG	LU	LUF

Quốc gia	Mã quốc gia	Mã tiền tệ
MACEDONIA, FYROM	MK	MKD
MALAYSIA	MY	MYR
MALTA	MT	MTL
MEXICO	MX	MXN
MOLDOVA	MD	MDL
MONACO	MC	FRF
MYANMAR	MM	MMK
HÀ LAN	NL	NLG
NEW ZEALAND	NZ	NZD
NIGERIA	NG	NGN
NA UY	NO	NOK
PAKISTAN	PK	PKR
PHILIPPINES	PH	PHP
BA LAN	PL	PLN
BỜ ĐÀO NHA	PT	PTE
ROMANIA	RO	ROL
NGA	RU	RUR
SAUDI ARABIA	SA	SAR
SINGAPORE	SG	SGD
SLOVAKIA	SK	SKK
SLOVENIA	SI	SIT
NAM PHI	ZA	ZAR
TÂY BAN NHA	ES	ESP
THỤY ĐIỂN	SE	SEK
THỤY SỸ	CH	CHF
ĐÀI LOAN	TW	TWD
THAILAND	TH	THB
THỔ NHĨ KỲ	TR	TRL
UKRAINE	UA	UAH
ANH	GB	GBP
HOA KỲ	US	USD
VIETNAM	VN	VND

Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là các chi phí nhân công sẽ thay đổi khi khối lượng sản xuất thay đổi. Chi phí này sẽ bao gồm tất cả các khoản thanh toán, phúc lợi

và các chi phí nhân công khác.

Giá xuất khẩu

Giá xuất khẩu là giá thực tế đã trả hoặc có thể trả cho Hàng hoá bị điều tra khi được bán sang Việt Nam cho khách hàng không liên kết đầu tiên.

Incoterms

Cần lưu ý là các từ viết tắt gồm ba chữ cái sau được đưa ra cho mỗi Incoterm là tham chiếu tiêu chuẩn đã được nhất trí giữa ICC và Liên Hợp Quốc:

Giao hàng tại nước xuất khẩu

EXW Giao tại xưởng (Ex Works)

Giao hàng cho người chuyên chở đầu tiên

FCA Giao cho người chuyên chở (Free Carrier)

FAS Giao dọc mạn tàu (Free Alongside Ship)

FOB Giao lên tàu (Free On Board)

Cước phí do người xuất khẩu trả

CFR Tiền hàng và cước (Cost and Freight)

CIF Tiền hàng, bảo hiểm và cước (Cost, Insurance and Freight)

CPT Cước phí trả tới (Carriage Paid To)

CIP Cước phí và bảo hiểm trả tới (Carriage and Insurance Paid To)

Giao hàng tại nước nhập khẩu

DAF Giao tại biên giới (Delivered At Frontier)

DES Giao tại tàu (Delivered Ex Ship)

DEQ Giao tại cầu cảng (Delivered Ex Quay)

DDU Giao khi chưa nộp thuế (Delivered Duty Unpaid)

DDP Giao khi đã nộp thuế (Delivered Duty Paid)

Thời kỳ điều tra (POI)

Thời kỳ điều tra là thời kỳ Cơ quan điều tra thu thập thông tin nhằm mục đích

đưa ra kết luận mang tính đại diện. Thời kỳ điều tra phải được lựa chọn và thường kéo dài từ sáu tháng trở lên và không quá mười hai tháng.

Chi phí phân bổ chung

Chi phí phân bổ chung là các chi phí phụ trợ hoặc cần thiết cho Hàng hóa bị điều tra, bao gồm nhưng không hạn chế bởi chi phí nhân công gián tiếp, chi phí khấu hao, điện, bảo trì.

Chi phí nguyên liệu

Chi phí nguyên liệu bao gồm tất cả các chi phí nguyên liệu để sản xuất Hàng hóa bị điều tra.

Công ty liên kết

(1) Các công ty được coi là có mối quan hệ liên kết với tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu Hàng hóa bị điều tra trong các trường hợp sau đây:

- a) Bên này trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia;
- b) Tất cả đều trực tiếp hoặc gián tiếp bị kiểm soát bởi một bên thứ ba;
- c) Cùng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên thứ ba.

(2) Một bên có thể bị coi là có quyền kiểm soát một bên khác khi bên đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên còn lại.

Các chi phí bán hàng, chi phí chung và chi phí hành chính (SG&A)

SG&A là một phần của chi phí sản xuất và tiêu thụ:

$$\begin{aligned} &+ \text{Các chi phí sản xuất trực tiếp} \\ &+ \text{Các chi phí sản xuất gián tiếp} \\ &= \text{Chi phí sản xuất (COM)} \\ &+ \text{Các chi phí SG\&A} \\ &= \text{Tổng chi phí sản xuất và tiêu thụ (COP)} \end{aligned}$$

SG&A bao gồm tất cả các chi phí bán, chi phí chung và chi phí hành chính.

Khách hàng không liên kết

Một khách hàng được xem là không có mối liên kết nếu khách hàng đó không phải là một công ty liên kết theo định nghĩa nêu trên.

Mã hoá dữ liệu

Các bên liên quan có quyền tiếp cận Bản thông tin công khai. Bản thông tin công khai phải đủ chi tiết để có thể hiểu được bản chất của các thông tin được đưa ra trong Bản trả lời mật.

Khi hoàn thành bản trả lời để các bên có liên quan kiểm tra, công ty nên thực hiện như sau:

1. Sử dụng Bản thông tin mật đã được hoàn thành làm cơ sở. Xác định tất cả các thông tin trong Bản thông tin mật mà công ty cho là không cần bảo mật và sao chép các thông tin đó cho Bản thông tin công khai.
2. Sau đó, kiểm tra lại xem các thông tin công ty không sao chép sang Bản thông tin công khai có thật sự cần bảo mật không. Nếu công ty vẫn cho đó là các thông tin cần bảo mật, công ty phải đưa ra lý do và phải được cơ quan điều tra chấp nhận. Nếu, trong các trường hợp ngoại lệ, thậm chí không thể tóm tắt các thông tin bảo mật, đưa ra lý do tại sao việc tóm tắt là không thể thực hiện được.

Ví dụ về cách tóm tắt thông tin bảo mật.

Khi thông tin liên quan đến các con số cho nhiều năm công ty có thể sử dụng bảng chú dẫn.

Ví dụ về thông tin **bảo mật**:

2010	2011	2014
20.000 VND	30.000 VND	40.000 VND

Bản tóm tắt **không bảo mật** sẽ là:

2010	2011	2014
=100	150	200

- **Khi thông tin liên quan đến một con số đơn lẻ công ty có thể thay đổi con số đó theo tỷ lệ phần trăm.**

Ví dụ về con số **bảo mật**:

"Chi phí sản xuất và tiêu thụ của tôi là VND 300 một Tấn."

Bản tóm tắt **không bảo mật** sẽ là:

"Chi phí sản xuất và tiêu thụ của tôi là VND 330 một Tấn" (+ chú thích: "con số thực tế đã được thay đổi với biên độ dao động tối đa +/- 10%, để bảo mật").

- **Khi thông tin bảo mật liên quan đến bản văn, công ty có thể tóm tắt bản văn đó hoặc xoá tên các bên bằng cách nêu chức năng của họ.**

Ví dụ về thông tin **bảo mật**:

"**Công ty thương mại ABC**" cho tôi biết giá của hàng nhập khẩu thấp hơn 20%."

Bản tóm tắt **không bảo mật** sẽ là:

"**[Một trong các khách hàng của tôi]**, cho tôi biết giá của hàng nhập khẩu thấp hơn 20%."